TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ ĐỒN** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2018/QĐST-HNGĐ	*Chợ Đồn, ngày 03 tháng 01 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 84/2017/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 12 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Tuyết H**- Sinh năm 1974

Địa chỉ: Tổ 6, thị trấn B, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

Bị đơn: Anh **Phan Đình H**- Sinh năm 1971

Địa chỉ: Tổ 6, thị trấn B, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 12 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 12 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Tuyết H** - Sinh năm 1974

Địa chỉ: Tổ 6, thị trấn B, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

Bị đơn: Anh **Phan Đình H** - Sinh năm 1971

Địa chỉ: Tổ 6, thị trấn B, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tuyết H và anh Phan Đình H nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Tuyết H và anh Phan Đình H thỏa thuận, thống nhất giao 02 con chung là Phan Đình H, sinh ngày 24/4/2000 và Phan H, sinh ngày 12/02/2007 cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Phan Đình H không yêu cầu chị Nguyễn Thị Tuyết H cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Chị Nguyễn Thị Tuyết H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Tuyết H và anh Phan Đình H không yêu cầu Tòa án giải quyết

2.4. Về khoản vay, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Tuyết H và anh Phan Đình H xác định không có vay, nợ chung.

2.5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tuyết H phải chịu 75.000^{đ} (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm và tự nguyện chịu 75.000^{đ} (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm của anh Phan Đình H, do vậy chị Nguyễn Thị Tuyết H phải chịu toàn bộ 150.000^{đ} (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 05908 ngày 14 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn. Chị H được trả lại 150.000^{đ} (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn;
- UBND thị trấn B
- TAND tỉnh kèm theo biên bản ghi nhận.
- Chi cục THADS huyện Chợ Đồn;
- Lưu hồ sơ vụ án

THẨM PHÁN

Đặng Đình Hưng